

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/KDTM-ST

Ngày: 24/6/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lai Ngọc Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Công Ny**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2025/QĐST- KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty C**

Địa chỉ: Tầng I, Cao ốc S, số C T, phường B, Quận A, thành phố HH. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh K** - Theo Giấy ủy quyền số 779.2024/GUQ-COL ngày 10/10/2024. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

*** Bị đơn: Công ty TNHH MTV N**

Địa chỉ: Số F, đường M, phường A, quận N, thành phố C. Đại diện pháp luật: Bà **Võ Bạch T** – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Võ Bạch T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số F, đường M, phường A, quận N, thành phố C. (vắng mặt)

2. Ông **Võ Văn V**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số F, đường M, phường A, quận N, thành phố C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy**

quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K trình bày:

Do Công ty TNHH MTV N (gọi tắt là Công ty N) có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C (gọi tắt là Công ty C) tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết 03 (ba) Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209088C2 ký ngày 12/09/2022, C2211405C2 ký ngày 22/11/2022, C2304300C2 ký ngày 19/04/2023 (gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty N có nhu cầu thuê tài chính là: 01 máy ép nhựa Haitian MA6500/4550G theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209088C2; 01 máy ép nhựa Haitian MA6500/4550G và 01 máy ép nhựa Haitian MA7000/5000G theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2211405C2; 01 máy ép nhựa Haitian MA10000/8400G theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2304300C2.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty N phía Công ty C chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V ký các ngày 12/09/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 19/04/2023. Theo đó, trường hợp Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty N.

Ngoài ra, bà Võ Bạch T và Công ty C đã ký Hợp đồng thế chấp số C221140502-MA ngày 22/11/2022; Công ty N và Công ty C đã ký Hợp đồng thế chấp số C2304300C2-MA ngày 19/04/2023. Theo đó, bà Võ Bạch T và Công ty N đồng ý thế chấp tài sản cho Công ty C nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng cho thuê tài chính số C2211405C2 ngày 22/11/2022 và C2304300C2 ngày 19/04/2023. Tài sản thế chấp bao gồm: Ô tô con, hiệu: MAZDA, số khung: RN2KE57D6EC003892, số máy: PE30599739, biển số: 65A-049.99 và Ô tô tải (có mui), hiệu: HINO, số khung: RNJFG8JT7JXX10075, số máy: J08EWE10273, biển số: 65C-123.12.

Trên cơ sở các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký, Công ty C đã ký các hợp đồng mua bán số C2209088C2-PC ký ngày 12/09/2022, C2211405C2-PC ký ngày 22/11/2022 và C2304300C2 ký ngày 19/04/2023 để mua chính tài sản thuê nêu trên và cho Công ty N thuê lại đối với tài sản này. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Công ty N đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê vào các ngày 12/09/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 19/04/2023.

Tổng giá trị của tài sản thuê, số tiền mà Công ty N đã trả trước ("tiền trả trước"), số tiền mà Công ty C tài trợ ("Giá trị thuê") và thời hạn thuê tài chính là của các hợp đồng cho thuê cụ thể như sau (đơn vị tính: Việt Nam đồng):

Hợp đồng thuê C2209088C2, thời hạn thuê 48 tháng, tổng giá trị tài sản thuê 3.800.000.000 đồng, tiền trả trước 1.140.000.000 đồng, giá trị thuê 2.660.000.000 đồng.

Hợp đồng thuê C2211405C2, thời hạn thuê 48 tháng, tổng giá trị tài sản thuê 8.100.000.000 đồng, tiền trả trước 2.430.000.000 đồng, giá trị thuê 5.670.000.000 đồng.

Hợp đồng thuê C2304300C2, thời hạn thuê 48 tháng, tổng giá trị tài sản thuê 6.000.000.000 đồng, tiền trả trước 1.800.000.000 đồng, giá trị thuê 4.200.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thuê của 03 hợp đồng là 17.900.000.000 đồng, tiền trả trước của 03 hợp đồng là 5.370.000.000 đồng, giá trị thuê của 03 hợp đồng là 12.530.000.000 đồng.

Hàng tháng Công ty N phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty N trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê.

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C1 với biên độ quy định chi tiết trong thông báo bắt đầu thuê, tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam. Cụ thể theo từng Hợp đồng thuê như sau: Ngày 12/6/2024, do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng thuê, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty N thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 12/06/2024 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 10.023.795.349 đồng.

Cùng ngày 12/6/2024, Công ty N đã giao trả toàn bộ tài sản thuê và bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Công ty C. Ngày 26/7/2024, Công ty C đồng ý để Công ty N bán tài sản thế chấp với giá 730.000.000 (bao gồm VAT), ngày 18/3/2025 Công ty C đã tiến hành thanh lý tài sản thuê với giá 1.250.000.000 (bao gồm VAT), cùng ngày Công ty C cũng đã tiến hành cân trừ khoản ký cược bảo đảm 1.790.000.000 đồng.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty TNHH một thành viên N thanh toán cho Công ty C toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên ba (03) Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209088C2

ngày 12/09/2022, C2211405C2 ngày 22/11/2022 và C2304300C2 ký ngày 25/04/2025 tạm tính đến ngày 25/04/2025 là 6.263.063.556 đồng, trong đó nợ gốc là 4.136.001.764 đồng, nợ lãi là 2.127.061.792 đồng, cụ thể theo từng Hợp đồng thuê như sau:

Theo Hợp đồng thuê số C2209088C2 tổng số tiền thanh toán là 1.078.145.663 đồng, trong đó nợ gốc là 740.966.056 đồng, nợ lãi là 337.179.607 đồng.

Theo Hợp đồng thuê số C2211405C2 tổng số tiền thanh toán là 2.679.495.009 đồng, trong đó nợ gốc là 1.640.087.360 đồng, nợ lãi là 1.039.407.649 đồng.

Theo Hợp đồng thuê số C2304300C2 tổng số tiền thanh toán là 2.505.581.819 đồng, trong đó, nợ gốc là 1.754.948.348 đồng, nợ lãi là 750.633.471 đồng.

- Buộc Công ty TNHH một thành viên N thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 26/04/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty TNHH một thành viên N không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì buộc người bảo lãnh là bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

**** Bị đơn Công ty TNHH MTV N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V vắng mặt nên không rõ ý kiến.***

Vụ án không hòa giải được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các lần hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng cho thuê tài chính. Quá trình thực hiện giao dịch, bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện nên xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” được quy định tại khoản 13 Điều 30

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn trả số tiền thuê còn nợ của nguyên đơn

- Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209088C2 ký ngày 12/09/2022, hợp đồng C2211405C2 ký ngày 22/11/2022 và hợp đồng C2304300C2 ký ngày 19/04/2023 Công ty C đã ký các hợp đồng mua bán số C2209088C2-PC ký ngày 12/09/2022, hợp đồng C2211405C2-PC ký ngày 22/11/2022 và hợp đồng C2304300C2 ký ngày 19/04/2023 để mua 02 máy ép nhựa Haitian MA6500/4550G; 01 máy ép nhựa Haitian MA7000/5000G và 01 máy ép nhựa Haitian MA 10000/8400G, sau đó cho Công ty N thuê lại đối với tài sản này với tổng giá trị là 17.900.000.000 đồng, Công ty N đã trả trước 5.370.000.000 đồng, số tiền thuê còn lại là 12.530.000.000 đồng. Thời hạn thuê của mỗi hợp đồng là 48 tháng, đến ngày 12/6/2024 thì chấm dứt hợp đồng thuê tuy nhiên phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thuê nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền thuê còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Tạm tính đến ngày 25/4/2025 dư nợ theo các hợp đồng cho thuê tài chính là 6.263.063.556 đồng. Trong đó: nợ gốc trong hạn là 4.136.001.764 đồng, nợ lãi là 2.127.061.792 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền trên cho nguyên đơn. Đồng thời Công ty N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 26/04/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3.2] Xét yêu cầu buộc bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V liên đới với Công ty TNHH một thành viên N trả nợ cho Công ty CCDể đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty N theo Hợp đồng thuê, bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V ký Thư bảo lãnh cá nhân vào các ngày 12/09/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 19/04/2023. Theo nội dung Thư bảo lãnh thì trong trường hợp Công ty N không

thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V sẽ có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty N. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

1.1. Buộc Công ty TNHH một thành viên N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2025 là 6.263.063.556 đồng, trong đó nợ gốc: 4.136.001.764 đồng, nợ lãi là 2.127.061.792 đồng, cụ thể theo từng Hợp đồng thuê như sau:

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2209088C2 ngày 12/9/2022 tổng số tiền thanh toán là 1.078.145.663 đồng, trong đó nợ gốc là 740.966.056 đồng, nợ lãi là 337.179.607 đồng.

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2211405C2 ngày 22/11/2022 tổng số tiền thanh toán là 2.679.495.009 đồng, trong đó nợ gốc là 1.640.087.360 đồng, nợ lãi là 1.039.407.649 đồng.

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2304300C2 ngày 19/4/2023 tổng số tiền thanh toán là 2.505.581.819 đồng, trong đó nợ gốc là 1.754.948.348 đồng, nợ lãi là 750.633.471 đồng.

1.2 Bị đơn Công ty TNHH một thành viên N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 26/4/2025 cho Công ty C tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH một thành viên N không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì buộc người bảo lãnh là bà Võ Bạch T và ông Võ Văn V có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH một thành viên N thanh toán cho Công ty

C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH một thành viên N phải chịu 114.263.063 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 58.739.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000862 ngày 26/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Về thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lai Ngọc Trí